

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG MỘT SỐ THẦN LINH CỦA THỊ DÂN THĂNG LONG - HÀ NỘI (QUA TÀI LIỆU VĂN BIA)

NGUYỄN THỊ THANH*

Vùng đất Thăng Long - Hà Nội với bề dày văn hóa hàng nghìn năm, đã là cơ sở sản sinh rất nhiều truyền thuyết dân gian, những phong tục tập quán, tín ngưỡng đặc sắc, thể hiện đời sống tinh thần của người dân vùng đất kinh kỳ trong lịch sử. Tục thờ thần linh, một mặt thể hiện về tín ngưỡng của người dân, mặt khác thể hiện tấm lòng thành kính của người dân đối với người có công với dân, với nước. Trong tín ngưỡng thờ thần của thị dân Thăng Long - Hà Nội, hệ thống thần linh rất đa dạng, có thiên thần, nhân thần. Là kinh đô, Thăng Long có Thành hoàng của quốc đô, có hệ thống thần trấn giữ cho bốn phương, tạo thành "Thăng Long tứ trấn", có cả thần ngoại quốc do những thương nhân nước ngoài mang đến, tạo nên hỗn dung tín ngưỡng trong văn hoá tín ngưỡng ở Thăng Long - Hà Nội.

1. Thần linh bản địa

1.1. Thành hoàng của kinh đô Thăng Long

Thần Tô Lịch và thần Bạch Mã, được thờ với tư cách là Thành hoàng của Kinh đô. Đây vốn là những vị thần được hư cấu và lịch sử hoá để tạo nên sức mạnh siêu nhiên trong việc giúp nước, giúp dân và được tôn thờ ở đình, đền, miếu. Thần Tô Lịch từng được phong là Quốc đô Thăng Long thành Đại vương¹, hay Quốc đô Thành hoàng Đại vương. Còn thần Bạch Mã được phong là Quảng Lợi Đại vương hay Thăng Long Thành hoàng Đại vương. Hai vị thần này hiện được thờ ở một số nơi trong các quận nội thành. Bia *Tối linh từ bi kí* tại đình Tân Khai (phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm)

cho biết, đình Tân Khai dựng vào năm Minh Mệnh 3 (1822) để thờ thần Bạch Mã, Thiết Lâm và Tô Lịch: "Kính cẩn thờ ở chính giữa là Bạch Mã Đại vương Thượng đẳng tối linh từ, hai bên phía trái và phải thờ hai vị thần Thiết Lâm và thần Tô Lịch cùng phối hưởng".

Còn thần Bạch Mã, tương truyền là người đã giúp vua Lý xây xong thành, để nhớ công ơn của thần, vua đã phong làm Thành hoàng của kinh đô và cho xây đền thờ tại số 76 phố Hàng Buồm (quận Hoàn Kiếm hiện nay). Bia *Trung tu Bạch Mã bi kí*, dựng năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) đã ca ngợi sự linh thiêng của thần: "Bạch Mã là ngôi đền rất linh thiêng trong các vị thần thiêng ở Long thành. Bạch Mã Đại vương linh thiêng nhất... Đây là vị Thành hoàng của thành Thăng Long. Thăng Long ngày nay là đô thành, xưa là đất kinh kỳ của vua. Hàng năm, tế lễ rất long trọng.

...Tục nước ta vốn thờ thần, dù là thần một thôn, một giáp cũng tôn kính, hưởng chi đây lại là vị thần chủ tế của một khu vực ngàn dặm, được tất cả các thời vua cúng tế. Ban phúc cho đất nước, giúp đỡ nhân dân. Công đức ấy cả đô thành và các giáp lân cận đều được nhờ".

1.2. Hệ thống thần linh trong "Thăng Long tứ trấn"

Ngoài các vị thần là Thành hoàng của kinh đô, ở Thăng Long còn có những vị thần trấn giữ cho bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trở thành "Thăng Long tứ trấn", đó là thần Cao Sơn ở đình Kim Liên - phía Nam, thần Linh Lang ở đền Voi Phục - phía Tây, thần Bạch Mã thờ ở đền Bạch Mã, vừa mang tư cách là Thành hoàng kinh đô và là vị

* *Ban Quản lý Di tích Danh thắng Hà Nội*

thần trấn giữ phía Đông cho kinh thành, thần Trấn Vũ ở đền Quan Thánh - phía Bắc. Trong 4 vị thần trên, có 3 vị (Bạch Mã, Cao Sơn, Linh Lang) là thần bản địa.

Thần Cao Sơn Đại vương được thờ ở đình Kim Liên (phường Phương Liên, quận Đống Đa) được coi như vị thần trấn giữ phía Nam kinh thành. Theo bia *Cao Sơn Đại vương thần từ bi minh tịnh tự*, dựng năm Hồng Thuận 3 (1510) và được khắc lại vào năm Cảnh Hưng 33 (1772), nội dung bia cho biết: đền thờ thần vốn ở huyện Phụng Hoá. Sau khi được thần Cao Sơn ngầm giúp, vua Lê đã giành lại ngai vàng từ tay ngoại thích và cho xây đền ở kinh đô để thờ: “Gần đây, Lê Mẫn (Lê Uy Mục) thất đức, hung bạo, càn rỡ, kẻ ngoại thích chuyên quyền, bọn nội gián can dự vào chính sự, khiến cho hàng triệu thường dân bị khốn khổ, tông thất và phiến thần bị giết hại...”.

Sau khi vua sai người đến cầu đảo tại đền thờ thần, đã được thần Cao Sơn phù giúp dẹp tan giặc: “Khẩn xong, bề tôi và dân chúng bốn phương không hẹn mà tụ hội lại, quân sĩ không phải gian lao máu dẫy mũi đao... quét sạch bọn hung đồ, xua tan bóng giặc nơi cung cấm... không đầy một tuần đã thành công nhanh chóng...”. Để tưởng nhớ đến công lao của thần, sau khi lên ngôi, vua đã cho lập đền thờ và phong tước cho thần là Cao Sơn Đại vương thượng đẳng thần.

Thần Linh Lang vốn được thờ ở phía Tây trong khu “Thập tam trại”. Tương truyền, Linh Lang là con vua Lý Thánh Tông và bà Cảo Nương, sống ở trại Thị Lệ, do có công dẹp giặc, nên khi mất được nhà vua cho lập đền thờ cúng. Tại đình Vạn Phúc (quận Ba Đình) còn tấm bia *Vạn Bảo tổng bi kí*, niên hiệu Tự Đức 26 (1873) ghi: “Ở phía Tây thành Thăng Long có đền thờ Thượng đẳng tại trại Thủ Lệ, huyện Vĩnh Thuận. Thực ra cả 13 trại ở tổng Vạn Bảo cùng thờ cúng, thường có linh ứng. Trải các triều đại đều được gia phong là một trong hàng Bách thần, có danh tiếng ở nước Nam Việt”.

1.3. Những nhân vật lịch sử có công với đất nước

Đó là những nhân vật có thật trong lịch sử, do có nhiều công lao trong việc mở mang bờ cõi, giúp nước đánh giặc, dạy dân khai hoang, lập ấp, chăn nuôi, cày cấy, những vị tổ trong các phường hội làm nghề truyền thống, hoặc những vị minh quân có nhiều công lao đóng góp cho nền văn

hoá nước nhà như: Hai Bà Trưng, Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông, hoặc những vị công thần như: Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, Trần Lưu... Những vị này, sau khi qua đời, thường được dân lập đền thờ cúng và được triều đình ban tặng sắc phong với nhiều mỹ tự.

Lại lịch, sự tích của các vị này đã được nhiều bộ chính sử và những cuốn thần tích do Bộ Lễ ghi chép. Tuy nhiên, văn bia ghi chép về những vị này lại quá ít, chỉ có vài ba tấm bia ghi về sự tích, công lao của các vị.

Bia *Trưng vương sự tích bi kí*, dựng năm Minh Mệnh 21 (1840) tại đền Hai Bà Trưng (phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng) cho biết: “Hai Bà là con Lạc tướng, cháu Lạc vương, bẩm sinh vốn không phải tầm thường. Từ khi Văn Lang mất nước, đất nước thuộc về nhà Thục, nhà Triệu rồi đến nhà Hán..., bọn quan lại Hán thẳng tay tàn bạo... Hai Bà, chị vì chồng, em vì chị, vung tay hét một tiếng mà tên Thái thú thua ba trận, làm cho người Hán phải mất ăn, mất ngủ nhiều lần. Đến lúc việc chẳng chiều lòng, Hai Bà cùng tử tiết nơi sông Hát”.

Đình Thanh Hà (phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm) có bia *Thanh Hà ngọc phả bi kí*, chép sự tích về Đại vương Trần Lưu: “Đại vương họ Trần, tên Lưu. Đại vương sống dưới triều Trần. Vào lúc giặc phương Bắc tới xâm lấn nước Nam, thiên hạ rối bời, nhân dân lâm than. Nhà vua ra lệnh cho bách quan văn vũ, ai có thể đánh dẹp sẽ trọng thưởng chức tước. Các quan không ai dám nhận lời, chỉ có Đại vương xin đi, vua liền phong là Ứng Chỉ hầu, gia phong tước Quận công...”

Đại vương lãnh ba vạn quân tinh nhuệ tới trấn Vũ Ninh, tính mưu kế tài tình, dùng quân đóng trại, hiệu lệnh oai nghiêm, binh sĩ tề chỉnh, quân phương Bắc nghe thấy tiếng vang khắp trấn, thế của chúng bèn yếu dần...

Đại vương lúc sinh thời sẵn có tài năng, tiếng tăm lừng lẫy, phù trì cho vận nước, sau khi hoá điển lễ tôn nghiêm cúng tế, bảo hộ sinh dân, nghìn năm không mất. Đó là công lớn với nước nên được dân phụng thờ, ghi chép vào ngọc phả”.

Chùa - điện Huy Văn (phường Văn Chương, quận Đống Đa), nơi thờ vua Lê Thánh Tông và mẹ là Quang Thục Hoàng thái hậu hiện còn tấm bia *Trùng tu Huy Văn điện bi kí*, niên hiệu Minh Mệnh 4 (1823) ghi về thân thế, sự nghiệp của vua Lê Thánh Tông: “Thánh Tông là con thứ 4 của Thái

Tông Văn Hoàng đế. Mẹ là Ngô Thị Ngọc Giao, người làng Động Bàn, huyện Yên Định.

...Thánh Tông thiên tư sáng như mặt trời, tinh thần, thể chất anh tuấn khác thường, người hiểu biết cho Ngài là một vị trong đám thần tiên đến. Năm Thái Hoà thứ 3 (1445), Ngài được phong làm Bình Nguyên vương, đến khi Nhân Tông mất, các quan đại thần mới rước Ngài về làm vua. Khi lên ngôi báu, ngài phong mẹ là Ngô Thị làm Quang Thục Hoàng thái hậu...".

Qua những dòng ghi chép ở những tấm bia có thể thấy việc thờ cúng, các vị anh hùng dân tộc, những nhân vật trong lịch sử đã xuất phát từ lòng biết ơn, sự tri ân và thành kính của người dân đối với họ, đồng thời coi đó là những tấm gương sáng để người đời sau học tập, noi gương.

1.4. Tín ngưỡng thờ cúng tổ nghề

Những người dân khi đến Thăng Long làm ăn, buôn bán, họ tổ chức di cư theo từng làng với các nghề truyền thống. Để tưởng nhớ đến thần linh nơi quê nhà, họ họp bàn xây dựng những ngôi đình, đền riêng thờ vọng những tổ nghề và đặt ra các điều lệ quy định chặt chẽ, tạo sự cố kết cộng đồng với việc duy trì nghi thức thờ cúng riêng. Đó cũng là một nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng, thể hiện truyền thống "tôn sư trọng đạo", "uống nước nhớ nguồn" của các thế hệ người Việt Nam vẫn được duy trì cho đến hôm nay. Bia *Dan Loan Hoa Lộc thị bi kí*, niên hiệu Vĩnh Hựu 2 (1736) tại đình Hoa Lộc (phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm) ghi: "Dân làng ta, xưa nay nhiều người tản đi buôn bán ở các nơi, nhưng số trú ngụ ở Hà thành nhiều hơn, cũng sống về nghề buôn bán và nổi tiếng là nghề nhuộm. Khoảng năm Vĩnh Thịnh đời Lê (1705 - 1719), các cụ tiên tổ của làng ta sẵn lòng, sẵn của, họp những người làng trú ngụ ở đây, quyên góp mua một khu đất tư ở phố Hàng Đào, phường Đại Lợi (xưa là phường Thái Cực) dựng ngôi đình để thờ vọng vị thần của làng cũ và thờ vị tiên sư nghề nhuộm, cùng với các bậc tiên hiền, tiên tổ 7 họ. Từ ấy về sau có chỗ thờ thần mà cũng có chỗ để người làng họp bàn công việc".

Bia *Hoa Lộc thị vọng từ bi kí*, niên hiệu Bảo Đại 16 (1941) cho biết thêm về việc thờ vọng ông tổ nghề nhuộm của dân xã Đan Loan, phủ Bình Giang "...Xã Đan Loan ta thuộc phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương, vốn thờ phụng tiên sư nghề ta và đức thần bản xã. Năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1736) đời Lê, bốn cụ thuộc bốn họ Lê, Phạm, Vũ, Đào bảo

nhau: người làng ta cư trú ở Long Biên rất đông nên nhân đó mà cúng đất quyên tiền, lập ngôi đền ở phố Hàng Đào, Hà Nội để thờ vọng, khiến các ngày lễ hàng năm, từng mùa có nơi cúng tế, há chẳng hay lắm ư"...

Bia *Tú Đình trùng tu bi kí*, tại đình Tú Thị (số 2A, phố Yên Thái, phường Hàng Gai, Hoàn Kiếm) cho biết, tại phố Hàng Mành, thành Thăng Long có ngôi đền phụng thờ tổ nghề nhuộm là Lê Công Hành: "Thánh tổ ta sinh vào thời Tiền Lê, khoa cử hiển vinh, đức nghiệp rạng rỡ, danh tiếng một thời. Tổ đã truyền nghề nhuộm dệt cho dân ta, giảng dạy văn chương, muốn đời khoa bảng để danh và phép Phật ngày càng sáng tỏ. Tổ ta phụng mệnh đi sứ Trung Hoa, học được phép tiên đan mầu nhiệm, có tài ứng biến, cải tử hoàn sinh, người đương thời vô cùng tôn kính..."

Nghề Sơn vốn là một nghề được biết đến từ khá sớm ở Thăng Long, nhiều tài liệu đều cho biết đến thế kỷ XVII, kỹ thuật sơn của Thăng Long - Kẻ Chợ đã đạt đến đỉnh cao. Lái buôn Dampier đến đây vào năm 1688 đã nhận xét: "Những tác phẩm bằng sơn được làm ở đây (Kẻ Chợ) không hề thua kém bất kỳ nơi nào khác, nếu ta không kể đến đồ sơn của Nhật Bản mà mọi người đều thừa nhận là tốt nhất thế giới"² và cũng trong thời gian này, viên thuyền trưởng Pool đã mang từ Anh quốc sang một người thợ để làm ngay tại thành Thăng Long rồi trở về bán ở Anh.

Khi di cư ra Thăng Long làm ăn, những người dân làng Hà Vĩ, phủ Thường Tín đã quyên góp tiền xây dựng ngôi đình thờ vọng ông tổ nghề sơn của mình là Trần Lư ở phố Hàng Hòm. Tấm bia không tên dựng năm Duy Tân thứ 8 (1914) tại đình Hà Vĩ (số 2, phố Hàng Hòm, phường Hàng Gai, Hoàn Kiếm) đã ghi lại việc này: "Xã Hà Vĩ, tổng Tín Yên, huyện Thường Tín, theo lệ cũ vì ở tách riêng nên xây một ngôi đình ở hộ thứ 2, phố Hàng Hòm, Hà thành để làm nơi thờ vọng, hàng năm phải rước thánh về cúng tế. Năm Quý Sửu, tháng 2, ngày rằm, toàn dân nhất trí xây dựng một toà thất công và một toà long đình..."

Có một tổ nghề mà nguồn gốc không phải của các nghề thủ công mà là tổ nghề chung cho cư dân Thăng Long, đó là tổ nghề chữa cháy³. Ở Thăng Long, với quy hoạch phố xá theo kiểu bàn cờ, nhà san sát nhau, lại làm bằng chất liệu dễ cháy, nên khi có hoả hoạn thì mức độ nguy hại khôn lường. Sử sách cũng đã ghi chép những vụ



Bộ tượng Hoả Thần, Thiên Lý Nhĩ, Thiên Lý Nhãn tại đền Hoả Thần (phố cổ Hà Nội) - Ảnh: Trần Lâm

cháy lớn ở kinh thành Thăng Long, như năm Kỷ Mùi (1619), năm Tân Mùi (1631): “Có nhiều đám cháy thiêu huỷ 5, 6 nghìn nóc nhà”..., rồi năm 1828, chỉ trong một tháng, xảy ra tới hai vụ cháy lớn. Lần thứ nhất hơn 200 ngôi nhà của dân bị cháy, lần thứ hai thiệt hại gấp nhiều lần, thiêu huỷ hơn 1.430 nóc nhà tại 27 thôn, phường. Để đề phòng hoả hoạn, dân sinh ra tục thờ thần Hoả ở trong khu phố. Đền Hoả Thần thờ ông tổ nghề phòng cháy chữa cháy ở Thăng Long. Bia *Hoả thần miếu trùng tu bi kí* tại đền Hoả Thần (phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm), dựng năm Thiệu Trị Tân Sửu (1841) cho biết: “Năm Mậu Tuất, Minh Mệnh thứ 19, lúc đầu hoả hoạn nặng, sau có đỡ hơn... hoả hoạn đều phải có biện pháp nên hiện tượng lửa bùng lên hay dẹp đi cũng như việc vui mừng hay đau buồn đều có quan hệ thì phải có phương kế và trách nhiệm quản lý”. Cùng với việc tăng

cường việc phòng cháy, người ta nghĩ đến việc thờ thần Hoả với mong muốn giảm bớt tai hoạ: “Đó cũng là lòng trung với dân và lòng thành kính đối với thần soi xét tới, há không báo đáp sao? Tương lai làng xóm được yên ổn là cùng hưởng phúc hoà bình của quốc gia...”.

Ngoài những ông tổ nghề thêu, nhuộm, vàng bạc, sơn..., nghề phòng cháy chữa cháy, ở Thăng Long còn một tổ nghề được triều đình đặc biệt quan tâm, đó là tổ nghề y dược. Vào năm Cảnh Hưng thứ 35 (1774), chúa Trịnh đã lệnh cho Viện Thái y và lệnh cho quan chương viện Thái y họ Trịnh xây dựng Y miếu để thờ ông tổ nghề y của nước ta là Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác.

2. Thần linh ngoại bang

Trong 1000 năm Bắc thuộc, người Trung Hoa đã để lại trong đời sống văn hoá tín ngưỡng người Việt khá nhiều thần linh là người phương Bắc đã

được Việt hoá, hoà chung vào thần điện của Thăng Long - Hà Nội.

Trước hết, đó là thần Huyền Thiên Trấn Vũ, được thờ ở đền Quan Thánh. Đây là vị thần của Đạo giáo có nhiệm vụ trấn giữ ở phương Bắc. Theo truyền thuyết, Huyền Thiên Trấn Vũ từng đầu thai làm con vua nước Tinh Lạc (Trung Quốc), lớn lên bỏ ngôi hoàng tử đến tu luyện trong hang ở núi Vũ Dương liền trong 42 năm, đã giúp người phương Bắc diệt trừ nhiều quỷ dữ nên được phong là Huyền Thiên Trấn Vũ.

Huyền Thiên Trấn Vũ sau đó sang nước Việt, giúp các vua Hùng ba lần đánh thắng giặc ngoại xâm. Trải qua các triều đại, thần đều có công giúp nhân dân diệt trừ bệnh dịch, quỉ dữ, phá trừ giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi. Vì vậy mà ngay từ thời Lý, Lý Thái Tổ sau khi định đô đã cho lập đền thờ thần ở quán Trấn Vũ (tức đền Quan Thánh) để trấn giữ cho kinh thành ở phương Bắc. Về điểm này, nhiều nhà nghiên cứu văn hóa cho rằng, việc thờ thần Trấn Vũ ở phía Bắc là có hàm ý nhằm chặn những luồng khí độc tràn xuống kinh thành. Tấm bia *Trùng tu Trấn Vũ quán bi kí*, niên hiệu Tự Đức 10 (1857) tại đền Quan Thánh (phường Quan Thánh, quận Tây Hồ) có chép về sự huyền diệu của thần: "Huyền Thiên trấn giữ phía Bắc, giữ nước giúp dân, nổi tiếng linh ứng. Chín tầng trời dựa ở chân uy, mười phương đất dựa nhờ thần giáo hoá, công ngang với năm mươi vạn kiếp, đáng được thờ cúng cho đến ức vạn năm".

Ngoài di tích đền Quan Thánh, còn có các di tích trong nội thành thờ thần của Đạo giáo, như chùa Huyền Thiên ở 54, phố Hàng Khoai (phường Đồng Xuân) và chùa Kim Cổ (phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm). Bia *Kim Cổ thôn bi kí*, dựng thời Tự Đức (1860) cho biết: "...Hoàng Thái hậu Thánh Linh Nhân triều Lý xây dựng quán để thờ Tam Thanh". Bia *Trùng tu Huyền Thiên quán bi kí*, dựng năm Tự Đức 21 (1868) đã ghi chép về sự linh nghiệm của thần đối với dân chúng: "Đền/quán thờ Thượng đẳng thần Huyền Thiên Trấn Vũ, nguyên quán ở thôn Huyền Thiên, tổng Đồng Xuân thuộc huyện Thọ Xương ở phía Đông thành Hà Nội gồm các toà trong ngoài 13 gian. Quán này có tượng của thần, dân đến cầu mộng, cầu đảo rất linh thiêng, đến nay vẫn như thế".

Vào thời Nguyễn, những người Hoa quê tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến lập nghiệp ở phố Lãn Ông, Hàng Buồm (Hoàn Kiếm) đã xây dựng những

hội quán để thờ những vị thần trong tín ngưỡng của họ, đó là thần Thiên Hậu. Đây là vị nữ thần có vị trí quan trọng trong thần điện của người Trung Hoa, là vị thần bảo hộ cho các thủy thủ và các đoàn tàu buôn của người Trung Quốc ở trong nước và trên thế giới.

Tấm bia *Phúc Kiến hội quán hưng sáng lục*, dựng năm Gia Long 16 (1817) ở hội quán Phúc Kiến (phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm) cho biết: "Thương thuyền đến An Nam trú ngụ ở đất Thăng Long dựng miếu/đền đền nhang thờ cúng..", bia còn cho biết về thân thế, sự tích của Thiên Hậu: "Thánh cung Thiên Hậu đức khôn linh nghiệm... từ đời Tuyên Hoà (1119 - 1126) trở đi, thánh hiển ứng được phong là Tuyên Phi. Trải các đời phong sắc, tặng là Vinh Trì sung tích cáo đàn côn hoàng. Đến triều Thanh, niên hiệu Khang Hy (1662 - 1723), phong Thiên Hậu liệt điển lệ thờ cúng, cho dựng đền ở bên. Tàu chuyên chở hàng hoá đi biển đều nhờ thần, thánh phù trì chở che".

Những dòng ghi chép trong bia có thể thấy, những vị thần của người Trung Hoa vào Thăng Long theo hai cách: một là theo chân những nhà cai trị từ thời Bắc thuộc và được Việt hoá, coi như thần linh của người Việt. Hai là theo chân những nhà buôn đến Thăng Long, trở thành vị thần riêng của cộng đồng người Hoa (lâu dân cũng được Việt hoá) tạo nên tín ngưỡng đa sắc thái của các tầng lớp thị dân ở Thăng Long - Hà Nội qua từng thời kì lịch sử khác nhau.

Suy cho cùng thì tín ngưỡng thờ thần linh của cư dân Thăng Long - Hà Nội mang tính đa thần thể hiện sự cởi mở, tràn đầy tính nhân đạo và tinh thần nhân văn của người Việt. Cho dù là thần linh bản địa, thần linh ngoại bang thì đều được ứng xử phù hợp với đặc điểm tín ngưỡng của người Việt với ước vọng cầu mong sự bình an, mọi điều tốt lành trong cuộc sống./.

N.T.T

Chú thích:

- 1- Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, Tr. 99.
- 2- Nguyễn Thừa Hỷ, *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII - XVIII - XIX (kinh tế - xã hội của một thành thị trung đại Việt Nam)* - Luận án PTS. Khoa học lịch sử, Viện Sử học Việt Nam, 1993, Tr. 232.
- 3- Ban Chỉ đạo quốc gia Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội - Ủy ban Nhân dân quận Hoàn Kiếm, *Di tích lịch sử - văn hoá trong khu phố cổ và xung quanh hồ Hoàn Kiếm*, Nxb. Hà Nội, 2002, Tr. 207 - 211.